TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN TRỤ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 23-12-2021.
"*V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Phượng.

2. Ông Đoàn Minh Hùng.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trương Thị Luyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Ngày 23 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 101/2021/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 10 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con". Theo Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Phú Q, sinh năm 19xx.

2. Bị đơn: Bà Đặng Thị Mộng C, sinh năm 19xx.

Cùng địa chỉ: Ấp xx, xã T, huyện T, tỉnh L.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/10/2021 và tại phiên tòa nguyên đơn là ông Nguyễn Phú Q trình bày: Ông và Đặng Thị Mộng C tự tìm hiểu nhau và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A (nay là xã T), huyện T, tỉnh L vào ngày 26/12/2002. Thời gian đầu, vợ chồng sống chung với nhau hạnh

phúc. Đến giữa năm 2020, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Hiện tại, ông đang sống và làm thuê tại huyện C, tỉnh L. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Đặng Thị Mộng C.

Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, ông và bà C có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Mộng T, sinh ngày xx/xx/1999 và Nguyễn Trường V, sinh ngày xx/xx/20xx. Sau khi ly hôn, ông yêu cầu được nuôi con chung Nguyễn Trường V, không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con. Riêng con chung tên Nguyễn Thị Mộng T đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản: Ông và bà C không có tài sản chung.

Về nợ chung: Ông và bà C không có nợ ai.

Bị đơn bà Đặng Thị Mộng C trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án thể hiện việc ông Q yêu cầu được ly hôn với bà C nhưng bà C vẫn vắng mặt, không có văn bản ý kiến trình bày đối với các yêu cầu khởi kiện của ông Q.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật, không tiến hành hòa giải vụ án giữa các đương sự do bà C luôn vắng mặt và ông Q có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án.

Tại phiên tòa: Bị đơn vắng mặt. Nguyên đơn trình bày đã cung cấp đủ các chứng cứ, không cung cấp chứng cứ gì thêm đồng thời vẫn giữ ý kiến và yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Nguyễn Phú Q có đơn yêu cầu Toà án nhân dân huyện Tân Trụ giải quyết ly hôn với bà Đặng Thị Mộng C và bà C hiện đang sinh sống tại huyện Tân Trụ, tỉnh Long An nên đây là vụ án Hôn nhân và Gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn là ông Nguyễn Phú Q có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án, nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại

khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

[3] Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cho bà Đặng Thị Mộng C nhưng bà C vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà C theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn, vì nhận thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể giải quyết, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng vợ chồng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông Q và bà C cắt đứt quan hệ tình cảm vợ chồng cách đây một năm. Xét, hôn nhân giữa ông Q và bà C có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Tân Trụ cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày xx/xx/20xx, đây là hôn nhân hợp pháp, sẽ được giải quyết theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành các thủ tục về cấp tống đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà C nhưng bà C vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này chứng minh bà C không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa hai bên. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của ông Q có cơ sở chấp nhận.

[6] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Mộng T, sinh ngày xx/xx/1999 và Nguyễn Trường V, sinh ngày xx/xx/20xx.

[6.1] Đối với con chung Nguyễn Thị Mộng T, sinh ngày xx/xx/1999 đã trưởng thành nên ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6.2] Đối với con chung Nguyễn Trường V, sinh ngày xx/xx/20xx. Ông Q yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Xét, từ khi vợ chồng không còn chung sống với nhau thì con chung sống với ông Q. Mặc khác, tại bản tự khai ngày 09/11/2021 Trường V có nguyện vọng sống chung với ông Q. Do đó, để không làm ảnh hưởng đến cuộc sống, sinh hoạt hàng ngày con chung và Hội đồng xét xử tôn trọng nguyện vọng của Trường V theo quy tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Hội đồng xét xử quyết định giao Nguyễn Trường V cho ông Q nuôi dưỡng. Do ông Q không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Chia tài sản chung, nghĩa vụ trả nợ: Do bà C cố tình vắng mặt, không có ý kiến trình bày. Ông Q xác định ông và bà C không có tài sản chung, không

có nợ chung. Nếu sau này, các bên đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[8] Án phí: Buộc ông Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phú Q về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" với bà Đặng Thị Mộng C.

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Phú Q và bà Đặng Thị Mộng C.

- Nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Trường V, sinh ngày xx/xx/20xx cho ông Nguyễn Phú Q trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Đặng Thị Mộng C không cấp dưỡng nuôi con .

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Án phí: Ông Nguyễn Phú Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số số 0007013 ngày 20/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ. Ông Q đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Long An.
-VKSND huyện Tân Trụ.
-THA DS huyện Tân Trụ.
- UBND xã T, huyện Tân Trụ
-Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Thoa